

Số: 82/2017/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định về Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Hà Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-BPC ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản được thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (trừ hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường);

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Nội dung thu và mức thu: Theo Phụ lục chi tiết ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Đơn vị tổ chức thu: Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Quản lý và sử dụng nguồn thu phí:

a) Quản lý nguồn thu phí: Đơn vị thu được trích để lại 70% trên tổng phí thu được để phục vụ cho chi phí công tác thu; số thu 30% còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Sử dụng nguồn thu phí được trích để lại:

- Chi đặt in biên lai thu phí (nếu có).
- Chi công tác phí đi thực địa và chi hoạt động của hội đồng thẩm định.
- Chi phí văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.
- Chi làm thêm giờ (nếu có) và cải cách tiền lương.
- Chi lấy mẫu phân tích kiểm chứng, lấy ý kiến phản biện của các chuyên gia.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII - Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 5 năm 2017. *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu - UBTWQH;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND; UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. *Handwritten signature*

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn



Mức thu Phí thăm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tổng vốn đầu tư của dự án khai thác khoáng sản <i>(Đơn vị tính: tỷ đồng)</i>	Mức thu phí <i>(Đơn vị tính: triệu đồng)</i>
I	Thăm định lần đầu	
1	Đến 10 tỷ đồng	6
2	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	9
3	Trên 20 đến 50 tỷ đồng	14
4	Trên 50 đến 100 tỷ đồng	26
5	Trên 100 đến 200 tỷ đồng	28
6	Trên 200 đến 500 tỷ đồng	37
7	Trên 500 tỷ đồng	41
II	Thăm định bổ sung	Bằng 50 % mức thu lần đầu